TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2019/HS-ST
Ngày 08/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Phong.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mong Văn Nga.
2. Ông Lang Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Nhuần, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà:
Bà Vi Thị Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hình sự thụ L số 83/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Huống Văn L: Tên gọi khác: Không; sinh năm 1999, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Nguyên lao động tự do; trình độ văn hóa : Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huống Văn D; con bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2019. Có mặt.

Bị hại: Ông Lương Văn H, sinh năm 1971; trú tại bản Mường H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Trương Hữu D, sinh năm 1984; trú tại xóm 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Cháu Hà U, sinh ngày 18/02/2003; trú tại bản T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện cho cháu Hà Uyển N, chị Lô Thị H, sinh năm 1987; trú tại bản N T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Anh Lương Hải N, sinh năm 2001; trú tại bản Mường H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/4/2019 Huống Văn L đi vào bản Mường Hi, xã Đồng V để dự đám cưới; sau đó L đến nhà ông Lương Văn H để ngủ trưa. Khi ngủ dậy trong nhà không có người và thấy chiếc xe mô tô dưới sàn nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt. L xuống nổ máy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 37F1-008.60 và đưa ra cầm cố cho anh Trương Hữu D, tại khối 3, thị trấn K. Sau khi phát hiện bị mất chiếc xe ông Lương Văn H viết đơn trình báo với cơ quan chức năng; đồng thời gia đình đi tìm Huống Văn L vì nghi L lấy trộm chiếc xe. Ngày 10/4/2019 con trai ông Lương Văn H là anh Lương Hải N thấy Huống Văn L tại bản T, xã Tiền P; Huống Văn L nói với anh Nh là bị cáo đã trộm chiếc xe của ông H và đang cầm cố cho anh D. Sau đó L lên chuộc lại chiếc xe, gửi anh N đưa vào cho ông H và bỏ trốn. Sau khi Lương Hải Nnhận chiếc xe với bị cáo thì cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q đến lập biên bản tạm giữ chiếc xe để phục vụ công tác điều tra. Ngày 03/8/2019 Huống Văn L bị bắt theo quyết định truy nã.

Hội đồng định giá tài sản huyện Q định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 37F1-008.60 bị cáo Huống Văn L chiếm đoạt của ông Lương Văn H, trị giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huống Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cụ thể: Khoảng 11 giờ, ngày 09/4/2019 tại bản Mường H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An Huống Văn L đã lén lút chiếm đoạt một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 37F1-008.60 của ông Lương Văn H. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã trả lại chiếc xe cho bị hại.

Bản cáo trạng số 91/CT-VKS- HS ngày 18/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Huống Văn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đối với anh Trương Hữu D có hành vi cầm cố chiếc xe của Huống Văn L, nhưng anh Dũng không biết chiếc xe do bị cáo trộm cắp mà có, nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã kết luận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Huống Văn L từ 09 đến 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt của bản án số 76/2018/HS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và xin giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Vào lúc 11 giờ ngày 09/4/2019; tại bản Mường H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An Huống Văn L đã lén lút chiếm đoạt một chiếc xe mô tô của ông Lương Văn H, trị giá 3.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Do đó bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả; khai báo thành khẩn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo; nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[4] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị xử phạt bị cáo Huống Văn L từ 09 đến 12 tháng tù. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là hợp L.

[5] Về hình phạt bổ sung : Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản đáng giá. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng : Đối với chiếc xe mô tô cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về dân sự**:** Tại cơ quan điều tra bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ xem xét và giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Huống Văn L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Huống Văn L 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 76/2018/HS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù; được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 02/9/2018 đến ngày 11/9/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/8/2019.

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Huống Văn L phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Huống Văn L có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Lương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Phong

Nơi nhận:
- *Bị cáo; bị hại.*
- *VKSND huyện Q.*
-*VKSND tỉnh Nghệ An.*
- *Công an huyện Q.*
- *Chi cục THA DS huyện Q.*
- *Trại tạm giam; trại giam.*
- *Sở tư pháp; UBND xã Đồng Văn.*
- *Lưu VP,THAHS, Hồ sơ vụ án.*